TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-PT
Ngày 9 tháng 7 năm 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Bình.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh.
Ông Phan Tiến Dũng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: ông Lê Thế Nhơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 9 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLPT-DS ngày 7 tháng 2 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 3 tháng 1 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2018/QĐ-PT ngày26-4-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích D; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Trương Mạnh C, bà Huỳnh Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Huỳnh Thị T; nguyên đơn là chị Trần Thị Bích D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 3 tháng 1 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C thì nội dung vụ án như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào ngày 10/8/2012 âm lịch (tức ngày 25/9/2012 dương lịch), chị Huỳnh Thị T và chồng là Trương Mạnh C có vay chị Trần Thị Bích D số tiền là 450.000.000 đồng, với lãi suất theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh C và chị T hẹn đến ngày 10/3/2013 âm lịch (tức ngày 19/4/2013 dương lịch) trả số tiền cả gốc và lãi như trên cho chị D, nhưng đến hẹn trả nợ, vợ chồng anh chị T cũng

chỉ trả cho chị D số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc và 80.000.000 đồng tiền lãi, còn lại số tiền gốc 330.000.000 đồng đến nay vợ chồng anh chị T vẫn chưa trả.

Ngày 05/3/2013 chị T có giao cho chị D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 442490, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/02/2013 cho anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T, thửa đất 11B, tờ bản đồ số 69; địa chỉ thôn H, xã I, huyện C; diện tích 2.467,3 m^2; trên đất có 450 trụ tiêu. Nhưng do đất này có giá trị nhỏ, không đủ khả năng đảm bảo cho số nợ trên nên chị D yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản khác của vợ chồng chị T.

Theo chị D ngày 10/8/2012 (âm lịch) vợ chồng anh C, chị T có vay của chị D số tiền 450.000.000 đồng, chứ không có giấy vay số tiền 240.000.000 đồng như anh C và chị T trình bày trong qua trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu vợ chồng anh C chị T trả cho chị D số tiền gốc 330.000.000 đồng và tiền lãi là 103.950.000 đồng (330.000.000 đ x 0,75%/tháng x 42 tháng = 103.950.000 đồng); tổng cộng 433.950.000 đồng (330.000.000 đ + 103.950.000 đ = 433.950.000 đ).

Yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn:

Anh C và chị T không đồng ý với nội dung chị D khởi kiện vợ chồng anh chị mượn chị D số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 10/8/2012 mà bắt nguồn từ khoản vay vào ngày 30/11/2011 anh chị có mượn của chị D số tiền 240.000.000 đồng, với lãi suất 06%/tháng. Ngày 10/8/2012 chị D nói với chị T tiền lãi là 134.400.000 đồng (tiền lãi mỗi tháng là 14.400.000 đồng, tính từ ngày 30/11/2011 đến ngày 10/8/2012 là 9 tháng 10 ngày), chị D có bớt cho chị T 4.400.000 đồng, còn 130.000.000 đồng. Chị T chơi hụi với chị D được 50.000.000 đồng, chị D nói số tiền 50.000.000 đồng này trả qua tiền lãi. Sau đó chị D nói với chị T tiền lãi còn 80.000.000 đồng, chị D cộng số tiền cả gốc và lãi thành 320.000.000 đồng. Chị D tính từ ngày 10/8/2012 đến ngày 10/3/2013 là 7 tháng nên số tiền lãi là 134.400.000 đồng, chị D có bớt cho chị số lẻ. Chị D lấy 320.000.000 đồng cộng với 130.000.000 đồng thành 450.000.000 đồng. Ngày 10/8/2012 chị tới nhà chị D, chị D bắt chị viết giấy ngày 10/8/2012 vay 450.000.000 đồng hẹn 10/3/2013 trả. Chị D bắt vợ chồng chị cùng ký.

Ngày 05/3/2013 (âm lịch) chị T có trả cho chị D số tiền là 120.000.000 đồng và giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị D để bảo đảm. Trong khoảng ngày 16/3/2013 đến ngày 18/3/2013 (âm lịch) chị T có nhờ anh C đem trả cho chị D số tiền 40.000.000 đồng, trong khoảng ngày 13/4/2013 đến ngày 15/4/2013 tiếp tục đem trả số tiền 40.000.000 đồng trả cho chị D. Tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Chị D có ghi lại số 450.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả cho chị D là 250.000.000 đồng (một lần trả 120.000.000 đồng, 02 lần trả mỗi lần 40.000.000 đồng, một lần 50.000.000 đồng tiền hụi). Anh chị có trả nợ tiền đổ dầu cho tài xế mà chị D thuê là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền anh chị đã trả cho chị D là 265.000.000 đồng. Việc chị D khởi kiện anh chị trả số tiền 367.000.000 đồng, anh chị không biết. Trong thời gian này, chị D có viết lại giấy vay nợ với số tiền nợ còn lại là 250.000.000 đồng. Nhưng giấy vay nợ này chị D giữ, anh C chị T không giữ. Hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, lãi suất ở trên là do chị D tự tính. Chứng minh cho ý kiến của mình, chị T có cung cấp cho

Tòa án 01 USB cuộc đối thoại giữa chị D và chị T nhưng không yêu cầu giám định cuộc đối thoại này.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 3 tháng 1 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 364; Điều 463; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005,

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của chị Trần Thị Bích D.

2. Buộc anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Thị Bích D số tiền 250.000.000 đồng.

Buộc chị Trần Thị Bích D có nghĩa vụ trả lại cho anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 442490, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/02/2013 cho anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T, thửa đất 11B, tờ bản đồ số 69; địa chỉ thôn H, xã I, huyện C; diện tích 2.467,3 m^2 sau khi anh C, chị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí, thông báo quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 1 năm 2018, bị đơn là chị Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại mức lãi suất cơ bản theo quy định trên số nợ gốc là 240.000.000 đồng vay từ ngày 30-11-2011.

Ngày 15 tháng 1 năm 2018, nguyên đơn là chị Trần Thị Bích D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại trong 80.000.000 đồng mà bị đơn đã trả là bao gồm cả tiền lãi và tiền gốc, đối với tiền lãi thì tính theo quy định của nhà nước, phần vượt quá mới trừ vào tiền gốc và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc anh C, chị T phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay là 112.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn đều giữ kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại mức lãi suất cơ bản theo quy định của pháp luật trên tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng vay từ ngày 30-11-2011, bị đơn cho rằng 450.000.000 đồng trong "Giấy mượn tiền" ngày 10-8-2012 âm lịch *(bút lục số 02)* do nguyên đơn cung cấp là tổng cộng cả tiền nợ gốc và tiền lãi của khoản tiền 240.000.000 đồng mà bị đơn vay nguyên đơn ngày 30-11-2011. Kèm theo đơn kháng cáo, bị đơn giao nộp cho Tòa án tài liệu không có tiêu đề bắt đầu bằng *"năm 2011 âm AL"* và kết thúc bằng dòng chữ có nội dung *"gốc 240"* để chứng minh.

Về tài liệu nêu trên, tại Biên bản đối chất do Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai lập ngày 16-4-2018, bị đơn trình bày:

"Tôi có vay tiền của chị D, do chị D lên nhà đòi nhiều lần, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và công việc của tôi nên khi chị D nói tôi xuống nhà tính tiền hụi

thì tôi đồng ý đến nhà chị D. Khi đó chị D nói "bây giờ chị đọc sao thì em ghi vậy, rồi ký nếu không ký thì chị kiện ra tòa, cứ ký đi rồi làm từ từ trả cho chị" do tôi không hiểu biết pháp luật và do sợ ảnh hưởng đến uy tín làm ăn nên tôi mới ghi và ký vào giấy nhận nợ chị D 450.000.000 đồng chứ tôi không mượn số tiền này. Do tôi thắc mắc tại sao lại nợ nhiều như vậy thì chị D mới tính toán cho tôi các khoản nợ và ghi vào tài liệu mà tôi đã nộp cho Tòa.

- Dòng chữ *"240 mượn 30-11 đến 10-8-2012 Âl"* có nghĩa là tôi mượn chị D 240.000.000 đồng ngày 30-11 đến 10-8-2012 Âl.

- *"9 tháng 10 ngày"* là thời hạn vay từ ngày 30-11 đến 10-8-2012 Âl

- *"14.400"* là 14.400.000 đồng là tiền lãi trong một tháng;

- *"9"* (tháng) là 9 tháng trong thời hạn 9 tháng 10 ngày nêu ở trên ;

- *"1296"* là 129.600.000 đồng là tiền lãi trong 9 tháng ;

- *"48" (10 ngày)* là 4.800.000 đồng là tiền lãi trong 10 ngày ;

- *"134.4"* là 134.400.000 đồng, đây là tiền lãi của 240.000.000 đồng trong thời hạn 9 tháng 10 ngày ;

- *" - 4 (5 triệu bớt ngày)"* là trừ 400.000 đồng trong số tiền 5 triệu bên tiền hụi;

- *"1340-400000"* là 134.000.000 đồng trừ 4.000.000 đồng còn 130.000.000 đồng ;

- *"130.000.000 -50.000.000"* là 130.000.000 đồng trừ 50.000.000 đồng tiền hụi do tôi chơi hụi ở chỗ chị D.

- *"80.000.000"* là 80.000.000 đồng là tiền lãi còn lại của 240.000.000 đồng từ ngày 30-11 đến 10-8-2012 Âl ;

- *"20.000.000 – 16.800.000"* là 20.000.000 đồng trừ 16.800.000 đồng, đây là tiền hụi không liên quan đến tiền vay.

- *"Trừ dư 3.200.000"* là trừ từ 20.000.000 cho 16.800.000 đồng thì dư lại 3.200.000 đồng*"*.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mặc dù có sự phù hợp về tổng của các chữ số có tại tài liệu với khoản tiền 450.000.000 đồng thể hiện tại "Giấy mượn tiền" ngày 10-8-2012 âm lịch nhưng lời khai của bị đơn là không có cơ sở, vì tại "Giấy mượn tiền" ngày 10-8-2012 âm lịch không có bất cứ nội dung nào thể hiện 450.000.000 đồng là tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi của khoản vay 240.000.000 đồng như bị đơn trình bày. Nguyên đơn cũng không thừa nhận lời khai của bị đơn mặc dù thừa nhận chữ viết có tại tài liệu trên là do mình viết ra nhưng cho rằng tài liệu này chỉ là tờ giấy nháp tính toán các khoản vay khác trong quá trình làm ăn giữa hai bên và không liên quan gì đến khoản vay tại "Giấy mượn tiền" ngày 10-8-2012 âm lịch.

Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kháng cáo của bị đơn.

[2] Đối với kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại trong 80.000.000 đồng mà bị đơn đã trả là bao gồm cả tiền lãi và tiền gốc, đối với tiền lãi thì tính theo quy định của nhà nước, phần vượt quá mới trừ vào tiền gốc và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc anh C, chị T phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay là 112.500.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại "*giấy*

mượn tiền đề ngày 10-8-2012 âm lịch" hai bên chỉ thỏa thuận về khoản tiền vay 450.000.000 đồng và về thời hạn thanh toán mà không có bất cứ thỏa thuận nào về việc tính lãi suất của khoản tiền vay. Sự thỏa thuận trên của các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Khi thỏa thuận, các bên là những người có năng lực hành vi dân sự; chị D không chứng minh được tại thời điểm tham gia giao dịch, chị bị lừa dối, bị đe dọa, bị ép buộc hoặc là người không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Quá trình tham gia tố tụng, các bị đơn cũng không thừa nhận giao dịch vay tiền ngày 10-8-2012 âm lịch giữa các bên là có tính lãi và các khoản tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là khoản tiền lãi nên theo quy định tại điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì đây là khoản vay không có lãi suất nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những đánh giá và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cáo của chị Huỳnh Thị T và của chị Trần Thị Bích D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là chị Trần Thị Bích D và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Huỳnh Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 3-1-2018 của Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là chị Trần Thị Bích D với bị đơn là chị Huỳnh Thị T, anh Trương Mạnh C.

Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 364; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; xử:

- Chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của chị Trần Thị Bích D.
- Buộc anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T phải trả cho chị Trần Thị Bích D số tiền 250.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Buộc chị Trần Thị Bích D có nghĩa vụ trả lại cho anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 442490, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/02/2013 cho anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T, thửa đất 11B, tờ bản đồ số 69; địa chỉ thôn H, xã I, huyện C; diện tích 2.467,3 m^2 sau khi anh C, chị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Buộc anh Trương Mạnh C và chị Huỳnh Thị T phải chịu 12.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị Trần Thị Bích D phải chịu 9.197.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.175.000 đồng theo biên lai số 0005751 ngày 16-6-2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai. Chị D còn phải nộp 22.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000539 ngày 23-1-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai. Chị Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Buộc chị Trần Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000580 ngày 23-1-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Bích D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện KSND tỉnh Gia Lai;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Bình